TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 5 - 2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Ông Trịnh Xuân Tháp

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đặng Quang Tuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 589/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Minh Q, sinh năm 1985;

Trú tại: số 1580, tổ 10, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1982;

Trú tại: số 1580, tổ 10, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Q có mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Minh Q trình bày:***

Anh và chị Lương Thị H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 93/2010 ngày 01/9/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường

xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H thường xuyên thiếu nợ mọi người rất nhiều lần, khiến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh và chị H đã ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trương Tiểu B, sinh ngày 13/5/2010 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 10/10/2013. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn chị Lương Thị H trình bày ý kiến:***

Chị và anh Trương Minh Q tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nay chị không đồng ý ly hôn, lý do vì chị muốn con có đủ cả cha lẫn mẹ, chị còn thương chồng con.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trương Tiểu B, sinh ngày 13/5/2010 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 10/10/2013. Khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con chung cho anh Q nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị quý Tòa cho chị quyền thăm con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Trương Minh Q được ly hôn với chị Lương Thị H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên là Trương Tiểu B, sinh ngày 13/5/2010 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 10/10/2013 cho anh Q nuôi dưỡng, tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung các đương sự đều, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:**

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Chị Lương Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Minh Q và chị Lương Thị H là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của anh Q xin được ly hôn với chị H. Vì anh Q cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh và chị H đã ly thân với nhau từ tháng 11/2019, do chị H thường xuyên thiếu nợ dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị H cũng không có ý kiến gì để vợ chồng đoàn tụ mà chỉ đề nghị Tòa án xem xét đến việc chị muốn con của chị có đủ cha mẹ. Nay anh Q có đơn và kiên quyết xin ly hôn với chị H. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho anh Q được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Chị H đồng ý giao cháu Trương Tiểu B, sinh ngày 13/5/2010 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 10/10/2013 cho anh Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc anh Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, điểm b, khoản 2, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho anh Trương Minh Q được ly hôn với chị Lương Thị H.

2. ***Về con chung:***

- Giao cháu Trương Tiểu B, sinh ngày 13/5/2010 và cháu Trương Minh Đ, sinh ngày 10/10/2013 cho anh Q nuôi dưỡng.

- Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Lương Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. ***Về tài sản chung:*** Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. ***Về án phí dân sự sơ thẩm***:

Anh Trương Minh Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002302 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Anh Trương Minh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị Lương Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Trung Chiến